

CHỦ ĐỀ 8.**Đa dạng thế giới sống**

BÀI

22**PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG****A BÀI TẬP****22.1.** Việc phân loại thế giới sống có ý nghĩa gì đối với chúng ta?

- (1) Gọi đúng tên sinh vật.
- (2) Đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại.
- (3) Thấy được vai trò của sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn.
- (4) Nhận ra sự đa dạng của sinh giới.
 - A. (1), (2), (3).
 - B. (2), (3), (4).
 - C. (1), (2), (4).
 - D. (1), (3), (4).

22.2. Tiêu chí nào sau đây được dùng để phân loại sinh vật?

- (1) Đặc điểm tế bào.
- (2) Mức độ tổ chức cơ thể.
- (3) Môi trường sống.
- (4) Kiểu dinh dưỡng.
- (5) Vai trò trong tự nhiên và thực tiễn.
 - A. (1), (2), (3), (5).
 - B. (2), (3), (4), (5).
 - C. (1), (2), (3), (4).
 - D. (1), (3), (4), (5).

22.3. Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

- A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.
- B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới.
- C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài.
- D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới.

22.4. Tên phổ thông của loài được hiểu là

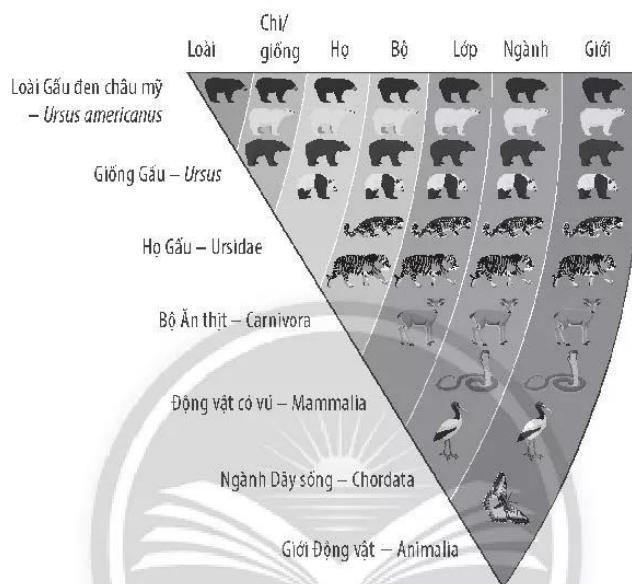
- A. cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia.
- B. Tên giống + Tên loài + (Tên tác giả, năm công bố).
- C. cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu.
- D. Tên loài + Tên giống + (Tên tác giả, năm công bố).

22.5. Cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp là đặc điểm của sinh vật thuộc giới nào sau đây?

- A. Khởi sinh.
- B. Nguyên sinh.
- C. Nấm.
- D. Thực vật.

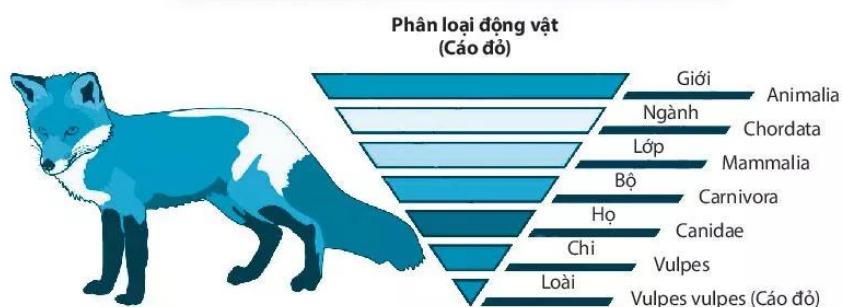
22.6. Hãy kể tên một số loài động vật, thực vật sống xung quanh em. Từ đó hãy cho biết những sinh vật nào được gọi theo tên địa phương, những sinh vật nào được gọi theo tên phổ thông.

22.7. Quan sát sơ đồ phân loại dưới đây, hãy xác định các bậc phân loại (Họ, Bộ, Lớp, Ngành, Giới) của loài Gấu trúc trong hàng thứ tư từ trên xuống.



22.8. Quan sát sơ đồ các bậc phân loại loài Cáo đỏ trong hình sau và cho biết:

- Tên giống, tên loài của loài Cáo đỏ.
- Tên khoa học của loài Cáo đỏ.



22.9. Cho một số sinh vật sau: vi khuẩn *E. coli*, trùng roi, nấm men, nấm mốc, rêu, lúa nước, mực ống, san hô. Hãy sắp xếp các sinh vật sau vào các giới sinh vật bằng cách hoàn thành bảng sau:

Giới	Đại diện sinh vật
Khởi sinh	
Nguyên sinh	
Nấm	
Động vật	
Thực vật	

22.10. Cho một số sinh vật sau: cây khế, con gà, con thỏ, con cá. Em hãy xác định các đặc điểm đối lập và xây dựng khoá lưỡng phân loại các sinh vật trên.

B HƯỚNG DẪN GIẢI

- 22.1.** Đáp án C.
22.2. Đáp án C.
22.3. Đáp án A.
22.4. Đáp án C.
22.5. Đáp án D.

22.6. Một số loài sinh vật: con thằn lằn, con sâu nái, cây hoa ngũ sắc, con cá quả, ...

- Sinh vật được gọi theo tên địa phương: con sâu nái, con cá quả;
- Sinh vật được gọi theo tên phổ thông: con thằn lằn, cây hoa ngũ sắc.

22.7. Họ Gấu (Ursidae), Bộ Ăn thịt (Carnivora), Lớp Thú (Mammalia), Ngành Dây sống (Chordata), Giới Động vật (Animalia).

22.8. Tên giống: *Vulpes*

Tên loài: *vulpes*

Tên khoa học: *Vulpes vulpes*.

22.9.

Giới	Đại diện sinh vật
Khởi sinh	Vi khuẩn <i>E. coli</i>
Nguyên sinh	Trùng roi
Nấm	Nấm men, nấm mốc
Động vật	Mực ống, san hô
Thực vật	Rêu, lúa nước

22.10. Bảng đặc điểm đối lập của các sinh vật:

Sinh vật \ Đặc điểm	Khả năng di chuyển	Môi trường sống	Số chân
Cây khế	Không	Cạn	–
Con gà	Có	Cạn	Hai chân
Con thỏ	Có	Cạn	Bốn chân
Con cá	Có	Nước	–

Từ bảng đặc điểm trên, học sinh tự vẽ sơ đồ khoá lưỡng phân.

